

ĐẠO TIN LÀNH TẠI TÂY NAM BỘ: LỊCH SỬ, HIỆN TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

***Tóm tắt:** Tây Nam Bộ là vùng đất mới, là nơi quần tụ sinh sống của nhiều tộc người khác nhau, bởi vậy đời sống văn hóa và tôn giáo cũng hết sức phong phú. Trong sự đa dạng văn hóa, tôn giáo đó rất thú vị khi thấy đạo Tin Lành - một nhánh Kitô giáo du nhập Việt Nam muộn nhất cũng đã có mặt tại đây từ khá sớm. Tìm hiểu về lịch sử du nhập, tồn tại của tôn giáo này tại vùng đất Tây Nam Bộ trong sự so sánh với các vùng miền khác cùng các vấn đề đặt ra hiện nay là chủ đề khoa học rất đáng quan tâm. Bài nghiên cứu đi vào tìm hiểu lịch sử quá trình truyền giáo của đạo Tin Lành tại vùng đất mới Tây Nam Bộ từ khởi đầu cho đến ngày nay. Trong đó, có sự phân tích, đối chiếu, so sánh với các vùng miền khác về kết quả truyền giáo, sự tiếp nhận cũng như sự phản ứng văn hóa, tôn giáo của quá trình này cùng những vấn đề đặt ra.*

***Từ khóa:** Đạo Tin Lành; Tây Nam Bộ; truyền giáo.*

1. Truyền giáo Tin Lành tại khu vực Tây Nam Bộ từ khởi đầu cho đến năm 1975

1.1. Giai đoạn từ khởi đầu cho đến năm 1945

Năm 1911, 03 giáo sĩ của Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A đã lập trụ sở tại Tourane (Đà Nẵng), cuộc truyền đạo Tin Lành cho người bản xứ mới chính thức bắt đầu. Năm 1914, các giáo sĩ C.M.A đã chính thức lập địa hạt truyền giáo Việt Nam với 09 giáo sĩ. Từ Đà Nẵng năm 1916, đã có 06 giáo sĩ được phái ra Hà Nội, Hải Phòng mở trụ sở truyền giáo.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 02/12/2018; Ngày biên tập: 10/12/2018; Ngày duyệt đăng: 20/12/2018.

Sau một thời gian cảnh giác, trục xuất, dè chừng các giáo sĩ, chính quyền Pháp vào năm 1918 đã chính thức cho phép các giáo sĩ được hoạt động tại 03 thành phố nhượng địa, đó là: Hà Nội, Hải Phòng, Tourane, và xứ thuộc địa Nam Kỳ. Các nơi khác thuộc Bắc Kỳ và Trung Kỳ về danh nghĩa vẫn là xứ bảo hộ, vì vậy bị kiểm soát chặt hơn.

Như vậy, Nam Kỳ trong đó có vùng Tây Nam Bộ ngày nay không phải là nơi đầu tiên các giáo sĩ truyền đạo Tin Lành đặt chân tới nhưng từ rất sớm đã là vùng có quy chế pháp lý tương đối thuận lợi đối với các giáo sĩ.

Trong khoảng thời gian từ 1921 đến 1927, các giáo sĩ cùng với các truyền đạo bản xứ đã lập được những trụ sở truyền giáo tại các địa bàn từ Nam ra Bắc, như: Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Rạch Giá, Biên Hòa, Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng, Vinh, Thanh Hóa, Hà Nội, Hải Phòng. Số các địa điểm truyền giáo trên các địa bàn tăng trưởng từ năm 1924 có 24 địa điểm, đến năm 1925 có 37 địa điểm, năm 1927 có 87 địa điểm.

Số tín đồ: Năm 1921 có được 180 người, năm 1924 có được 1.571 người, năm 1925 có 2.939 người và đến năm 1927 đã có 4.236 tín đồ chính thức trong 74 chi hội Tin Lành¹.

Năm 1927, tại Đà Nẵng, Đại Hội Đồng chính thức đầu tiên đã thành lập tổ chức giáo hội bản xứ *Hội Tin Lành Đông Pháp*. Bản Hiến Chương năm 1928 được thông qua đã quy định các thể chế hoạt động của Giáo hội Tin Lành Việt Nam bao gồm 3 cấp: Chi hội, Địa hạt Liên hội và Tổng Liên hội.

Ngay khi Đại Hội Đồng thông qua bản Hiến chương đầu tiên (lần thứ V, năm 1928), các đại biểu đã thông qua biểu quyết *chia 3 kỳ làm 2 hạt là Trung - Bắc Kỳ và Nam Kỳ*. Như vậy vào thời điểm này, Hội Tin Lành Đông Pháp có 02 địa hạt, vùng Tây Nam Bộ nằm trong địa hạt Nam hạt.

Năm 1932, theo biểu quyết tại Đại Hội Đồng thường niên, địa hạt Trung - Bắc Kỳ tách ra làm 2, thành: Trung hạt và Bắc hạt. Như vậy, từ đây HTTLVN có 3 địa hạt (Nam Kỳ đã là một địa hạt từ trước, bao gồm cả vùng Bình Thuận).

Đến cuối năm 1934, sự tăng trưởng về mặt tổ chức được ghi nhận với 38 chi hội tại Bắc Kỳ, 34 ở Trung Kỳ và 47 tại Nam Kỳ, tổng cộng đã có tới 119 chi hội.

Đại Hội Đồng Tổng liên Hội năm 1934 đã khai trình tổng số tín đồ và cụ thể riêng từng vùng (địa hạt) như sau:

“Nam hạt: Số tín đồ chính thức (đã báp têm) 5.268 người; số tín đồ chưa chính thức là 1.405 người.

Trung hạt: Số tín đồ chính thức (đã báp têm) 1.545 người; số tín đồ chưa chính thức là 652 người.

Bắc hạt: Số tín đồ chính thức (đã báp têm) 421 người; số tín đồ chưa chính thức là 187 người.

Tổng cộng: 7.234 tín đồ chính thức và 2.244 tín đồ chưa chính thức”².

Kết quả truyền giáo tại địa hạt Nam hạt thời kỳ 1932-1942³

Năm	Tín đồ chính thức	Số Báp têm trong năm	Số cầu nguyện tín Chúa	Chi hội Chính	Chi hội Nhánh
1932	4876	854	2069	34	22
1934	5185	377	1069		
1936	5692			40	21
1938	6313	474	2116		
1939	6500	628	1479		
1940	7065	581	1783	50	25
1941	7455	566	1763	51	34
1942	8159	449	1322	56	34

Nguồn: *Thống kê từ Thánh Kinh báo.*

Phân tích về các số liệu khai trình thấy tỷ lệ tín đồ chính thức (Báp têm) trên tổng số tín đồ tin nhận đạo có sự khác biệt rất lớn giữa các địa hạt.

Ở Bắc Bộ trong 1.000 người tin Chúa (mới theo) năm 1935 chỉ có 164 người chịu Báp têm (trở thành tín đồ chính thức), trong khi tại Nam Bộ có 722 người Báp têm trên 1.069 người, Trung Bộ có 346 Báp têm trên 576 người⁴. Nguyên do bắt nguồn từ sự va chạm văn hóa

của việc cấm thờ cúng tổ tiên do các giáo sĩ Tin Lành quy định. Tại các làng quê truyền thống Bắc Bộ, những thiết chế cộng đồng gia đình, làng mạc, họ tộc rất bền vững, rất khó cho việc truyền giáo Tin lành xâm nhập. Đạo Tin Lành truyền giáo có kết quả hơn tại các vùng đất mới, đặc biệt tại Nam Bộ.

1.2. Giai đoạn 1946 - 1954

Tình hình chính trị xã hội Việt Nam giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp đã ảnh hưởng mạnh đến công việc truyền giáo, đặc biệt tại Bắc Bộ và Trung Bộ. Trong khi đó, tại Nam Bộ tình hình lại khác. Đây là vùng ổn định và tăng trưởng mạnh nhất đối với Tin Lành trong giai đoạn này. Do các chi hội có nguồn tài chính tự lực khá tốt, chiến sự không lan rộng, hoạt động truyền giáo Tin lành gặp được những bất ổn tâm lý, xã hội do biến động thời cuộc, nên số chi hội và tín đồ gia tăng.

Chính trong giai đoạn này và đặc biệt là từ 1950 - 1952, các nhà thờ, nhà giảng được xây dựng liên tiếp (5 nhà thờ trong năm 1949, 25 nhà thờ được trùng tu, sửa chữa trong năm sau). Năm 1949 có 450 tín đồ mới chịu làm Báp-têm, năm 1950 có 397 người, có chi hội rất lớn như Hội Thánh Cần Thơ với hơn 500 tín đồ, 13 ban chứng đạo⁵.

Như vậy, thời kỳ đầu truyền giáo, Nam hạt trong đó có vùng Tây Nam Bộ là nơi mà việc truyền đạo Tin Lành thu được kết quả khả quan nhất so với các vùng truyền giáo khác. Mọi số liệu thống kê đều cho thấy số lượng tín đồ, tỷ lệ Báp-têm trên tổng số tín đồ, số chi hội, cơ sở nhà thờ, nhà giảng đều chiếm vị trí thứ nhất. Nếu chỉ lấy số liệu tín đồ chính thức của Nam hạt năm 1942 đã hơn 8.000 người và đối chiếu với số 13.000 tín đồ chính thức của miền Nam và miền Trung sau năm 1954 thì tại Nam hạt trong đó chủ yếu ở Tây Nam bộ đã chiếm hơn 50%.

1.3. Giai đoạn từ năm 1955 đến 1975

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, theo Lê Hoàng Phu, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam chỉ hoạt động tại miền Nam, miền Trung với khoảng 13.000 tín đồ Báp-têm chính thức. Từ đây bắt đầu một giai đoạn mới về hoạt động truyền giáo với sự hỗ trợ nhiều mặt từ các tổ

chức, giáo phái Tin Lành quốc tế. Để phù hợp với sự tăng trưởng của Hội Thánh, HTTLVN đã chấn chỉnh, cải cách bước đầu hệ thống hành chính điều hành từ Tổng hội đến Địa hạt, cụ thể: Năm 1959, đưa Địa hạt Thượng Du về thuộc quản lý của HTTLVN (trước đây địa hạt này do Hội C.M.A nắm).

Năm 1962, tách Địa hạt Trung hạt ra thành 02 Hạt mới là Trung Trung hạt và Nam Trung hạt. Thập niên 1955-1965 là thập niên mà hoạt động truyền giáo của HTTLVN được đẩy mạnh lên thành cao trào.

Sự tăng trưởng số lượng tín đồ như là kết quả của những nỗ lực truyền giáo, đã được Lê Hoàng Phu tổng kết như sau:

Số liệu về tăng trưởng tín đồ của HTTLVN trong thời kỳ 1955 -1965

Năm	Số tín đồ	
	Báp-têm	Tin đạo nói chung
1955	13.935	Không rõ
1957	24.430	Không rõ
1959	24.708	51.819
1960	27.296	Không rõ
1962	32.823	Không rõ
1963	37.222	Không rõ
1964	40.214	81.079
1965	41.733	100.000

Nguồn: *Lê Hoàng Phu*⁶.

Thời kỳ từ 1965 đến 1975 là khoảng thời gian mà HTTLVN phối hợp với Hội Truyền giáo C.M.A, Hội Ngữ học Mùa hè, Hội Truyền giảng Phúc Âm triển khai các hoạt động truyền giáo bằng các phương tiện hiện đại nhất, tiên tiến nhất, được yểm trợ tối đa nhất từ trước đến đây.

Tại miền Hậu Giang, dưới sông nước sử dụng tàu Tin Lành, ghe Tin Lành, trên bộ có xe Tin Lành lưu động: Truyền giáo bằng sóng phát thanh, bằng Kinh thánh nhỏ, lẻ, sách báo, truyền đạo đơn đủ mọi dạng ở mọi nơi, mọi lúc.

Thời kỳ 1965-1975 cũng là thời kỳ HTTLVN phát triển và hoàn thiện các cơ cấu, tổ chức, cơ quan điều hành của mình. Năm 1969, Địa hạt Thượng Du được tách ra làm 02 Hạt mới là Trung Thượng hạt và Nam Thượng hạt. Địa hạt Nam hạt cũng chia ra thành Đông Nam hạt và Tây Nam hạt.

Năm 1971, Tây Nam hạt lại chia thành Tiền Giang hạt và Hậu Giang hạt, đưa tổng số các địa hạt lên tới con số 7.

Như vậy, cũng như thời kỳ trước đó, không có số liệu thống kê cụ thể các tỉnh thuộc Tây Nam Bộ thuộc Nam hạt thậm chí các thập niên sau, việc khai trình của các địa hạt thường ít được HTTLVN công bố. Tuy nhiên, theo chúng tôi, khu vực này vẫn là nơi phát triển ổn định nhất của đạo Tin Lành, trước khi nhường lại vị trí này cho khu vực Tây Nguyên - Nam Trường Sơn khi có sự gia tăng tín đồ người dân tộc thiểu số vượt trội.

Cũng cần nhắc lại rằng, cho đến năm 1975, với số lượng tín đồ vào khoảng gần 160.000 người (trong đó tín đồ Báp têm chỉ khoảng 55.000), đạo Tin Lành vẫn chưa có ảnh hưởng gì lớn trong xã hội Việt Nam.

2. Đạo Tin Lành tại vùng Tây Nam Bộ thời kỳ từ 1975 đến nay

2.1. Giai đoạn từ sau năm 1975 đến năm 2001

Sau khi các giáo sĩ nước ngoài rút đi, sự trợ giúp quốc tế bị ngưng trệ, nhiều tín đồ chức sắc di tản, bỏ nhiệm sở, đạo Tin Lành tại miền Nam nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng rơi vào thời kỳ khủng hoảng.

Thêm nữa, sau kỳ Đại Hội Đồng lần thứ 42 năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh (13-15/6/1976), HTTLVN (miền Nam)⁷ không được Nhà nước thừa nhận như một tổ chức tôn giáo hợp pháp, khiến cho các sinh hoạt định kỳ về mặt tổ chức không thực hiện được, như: tổ chức Đại Hội Đồng các cấp, đào tạo, bổ sung; tân phong, điều chuyển chức sắc; in ấn kinh sách, dùng các phương tiện truyền giáo đa dạng như trước kia, v.v...

Tuy nhiên, ngoại trừ vùng Tây Nguyên, tại các tỉnh, thành phố ở đồng bằng, cụ thể là tại miền Tây Nam Bộ, các chi hội cùng tín đồ vẫn sinh hoạt bình thường. Tại nhiều nơi, chính quyền địa phương vẫn giúp đỡ việc tuyên truyền người quản nhiệm, các cuộc bồi linh của các chức sắc...

Xu hướng, nhu cầu tất yếu của tình hình là phải thích nghi, hội nhập, tìm phương cách để tồn tại và phát triển. Đặc biệt khi quá trình đổi mới, mở cửa, dân chủ hóa đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực tôn giáo đang được mở ra.

Từ cuối những năm 80, đầu những năm 90, việc phục hồi và đẩy mạnh hoạt động truyền giáo của đạo Tin Lành bắt đầu diễn ra, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Về thành phần hệ phái, tổ chức cũng có nhiều thay đổi. Đã xuất hiện nhiều hệ phái, tổ chức, nhóm Tin Lành mới qua sự bùng phát “phong trào hội thánh tư gia”. Tại vùng Tây Nam Bộ, nếu như trước năm 1975 chỉ có sự hiện diện của HTTLVN và Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm thì giờ đây đã lần lượt xuất hiện thêm hàng chục tổ chức, hệ phái mới.

Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ, số lượng tín đồ Tin Lành tại các tỉnh thành phía nam vào thời điểm năm 2000, trước khi Nhà nước cho phép HTTLVN miền Nam tiến hành tổ chức Đại Hội Đồng và công nhận tư cách pháp nhân của tổ chức này như sau:

TT	Tỉnh, thành phố	Số tín đồ	TT	Tỉnh, thành phố	Số tín đồ
1	An Giang	1.904	13	TP. HCM	22.570
2	Bạc Liêu	961	14	Khánh Hòa	8.262
3	Bình Dương	800	15	Kiên Giang	3.908
4	Bình Định	1.693	16	Kom Tum	1.020
5	Bình Thuận	8.450	17	Lâm Đồng	64.324
6	Bà Rịa-Vũng Tàu	4.166	18	Long An	3.698
7	Cà Mau	1.900	19	Phú Yên	2.866
8	Cần Thơ	5.786	20	Quảng Nam	13.130
9	Đà Nẵng	8.515	21	Quảng Ngãi	2.097
10	Đắk Lắk	120.000	22	Sóc Trăng	1.621
11	Đồng Nai	12.362	23	Tây Ninh	271
12	Gia Lai	94.215	24	Vĩnh Long	4.404
Tổng số (24 tỉnh, thành): 388.523⁸					

Về phía đạo Tin Lành, sau khi được Nhà nước cho phép tiến hành Đại Hội Đồng lần thứ 1 (lần thứ 43 theo lịch sử giáo hội), HTTLVN (miền Nam) công bố trong Niên giám năm 2002 của Tổng Liên hội HTTLVN (miền Nam): Thời điểm tháng 4/2001, tổ chức này hiện có 898 chi hội, số chức sắc là 798 người (bao gồm mục sư, truyền đạo kể cả số hưu trí) 149.551 tín đồ chính thức trên tổng số 367.687 tín đồ nói chung⁹.

Qua những số liệu trên, có thể nhận ra: So với thời điểm năm 1975 khi HTTLVN (miền Nam) có được 50.000 tín đồ Báptem trên tổng số 160.000 tín đồ nói chung thì sau 25 năm, lực lượng tín đồ của họ đã phát triển lên gần gấp 3 lần; Tỷ lệ tín đồ người dân tộc so với tín đồ người kinh trước 1975 là 1/3 (15.000/50.000 tín đồ Báptem) thì hiện nay ngược lại 3/1. Chỉ riêng 3 tỉnh Tây Nguyên (và cả Bình Phước) số tín đồ dân tộc đã lên tới 300.000 người. Tốc độ tăng trưởng tín đồ nơi các dân tộc thiểu số trung bình là gấp 6 lần, tại một số địa phương (Đắk Lắk, Gia Lai) đến hơn 10 lần; Số liệu của một số tỉnh thuộc Tây Nam Bộ không cho thấy sự phát triển đột biến.

2.2. Giai đoạn từ 2001 đến nay

Năm 2001, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), tổ chức Giáo hội Tin Lành lớn mạnh nhất đã được công nhận tư cách pháp nhân. Liên theo đó Pháp lệnh Tín ngưỡng Tôn giáo năm 2004 và Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đối với đạo Tin Lành đi vào đời sống.

Đạo Tin Lành chính thức được thừa nhận và hoạt động trong khuôn khổ luật pháp. Tiếp theo HTTLVN (miền Nam), 09 hệ phái, tổ chức khác cũng đã được công nhận tư cách pháp nhân. Mọi quan hệ giữa Nhà nước và giáo hội đã có nhiều biến chuyển tích cực chứng tỏ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đạo Tin Lành là đúng đắn.

Tuy nhiên, việc cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận tổ chức tôn giáo cho các tổ chức, hệ phái Tin Lành cũng như việc cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo còn là công việc lâu dài. Hiện tại, ngoài 11 tổ chức hệ phái đã được công nhận trên còn hơn 70 hệ phái, nhóm Tin Lành đang còn chưa có tư cách pháp nhân chính thức.

Tại các tỉnh vùng Tây Nam Bộ, sau quá trình thực thi chủ trương chính sách mới về đạo Tin Lành, tình hình cộng đồng tôn giáo này nhìn chung hoạt động hài hòa, ổn định, có sự phát triển. Tuy nhiên đã có vấn đề mới nảy sinh, đó là việc truyền đạo phát triển tín đồ, hay còn gọi là “cải đạo” tại vùng đồng bào dân tộc Khmer theo Phật giáo Nam tông.

Nhiều cơ quan hữu quan, nhà nghiên cứu văn hóa, tôn giáo đã đề cập đến vấn đề trên. Tác giả Trần Hồng Liên trong bài viết “Sự

chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer tại Trà Vinh hiện nay” cho biết người Khmer theo Tin Lành xuất hiện tại các huyện: Trà Cú, Duyên Hải, Tiểu Cần, Châu Thành, Càng Long... với số lượng lên tới 430 người (trong tổng số 1.286 tín đồ Tin Lành tại đây)¹⁰. Đây là một hiện tượng rất đáng chú ý vì Phật giáo Nam tông đối với người Khmer là truyền thống, là chất kết dính văn hóa có tính sống còn của cộng đồng mà nếu tan vỡ thì sẽ có những hệ lụy phức tạp cho việc phát triển bền vững. Đi vào phân tích, lý giải, tác giả tìm ra những nguyên nhân về biến đổi đời sống kinh tế, xã hội, cộng đồng nơi người Khmer; sự suy thoái, giảm vai trò của các lãnh đạo tôn giáo, của các Sư Cả trong việc chăm sóc cộng đồng; sự truyền đạo mang tính vụ lợi, dùng các chiêu thức thu hút bằng lợi ích vật chất, bằng phương thức truyền giáo vụ lợi của các hệ phái, nhóm Tin Lành còn chưa hợp pháp.

Tác giả Trần Hữu Hợp trong một nghiên cứu về chủ đề “Sự cải giáo của một bộ phận người Khmer vùng Tây Nam Bộ” cho thấy: Dù chùa đối với người Khmer là trung tâm tôn giáo và sinh hoạt văn hóa cộng đồng nhưng những năm qua đã diễn ra sự cải đạo. Trước tiên là cải đạo theo Công giáo, với 3.202 tín đồ/715.054 tín đồ Công giáo tại 13 tỉnh miền Tây Nam Bộ (chiếm 0,45%).

Đối với việc cải đạo sang đạo Tin Lành, theo số liệu của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ và của tác giả có những chi tiết rất đáng chú ý:

Số liệu người Khmer Tây Nam Bộ theo Tin Lành
(Số liệu thống kê của BCD TNB năm 2015 và của tác giả)

ST T	Đơn vị	Tín đồ Tin Lành	Tín đồ Tin Lành là người Khmer	Tỷ lệ %
1	An Giang	2.195	91	4,14
2	Bạc Liêu	961	128	13,31
3	Bến Tre	5.300	0	
4	Cà Mau	4.532	41	0,90
5	Cần Thơ	10.979	26	0,23
6	Đồng Tháp	7.284	0	
7	Hậu Giang	3.366	46	1,36
8	Kiên Giang	6.209	754	12,14
9	Long An	5.773	0	
10	Sóc Trăng	3.695	650	17,59
11	Tiền Giang	8.658	0	
12	Trà Vinh	1.286	430	33,43
13	Vĩnh Long	7.399	29	0,39
	Tổng cộng	67.637	2.195	

“Theo bảng thống kê trên có 9/13 tỉnh thành trong khu vực có tín đồ Tin Lành là người Khmer. Tổng số tín đồ Tin Lành là người dân tộc Khmer là 2.195 người, chiếm tỷ lệ 3,24% số tín đồ Tin Lành trong khu vực và chiếm tỷ lệ 0,18% người Khmer trong khu vực. Tỉnh có tín đồ Tin Lành là người Khmer đông nhất là tỉnh Kiên Giang, 754 người (chiếm 12,14% tín đồ Tin Lành của tỉnh); tỉnh Sóc Trăng có 650 tín đồ Tin Lành là người Khmer (chiếm 17,59% tín đồ Tin Lành của tỉnh); tỉnh Trà Vinh có 430 tín đồ Tin Lành là người Khmer (chiếm 33,43% tín đồ Tin Lành của tỉnh); tỉnh Bạc Liêu có 128 tín đồ Tin Lành là người Khmer (chiếm 13,31% tín đồ Tin Lành của tỉnh); các đơn vị còn lại có tín đồ Tin Lành là người Khmer ít hơn hoặc không có”¹¹.

Theo tác giả, việc cải đạo của người Khmer sang các tôn giáo khác tuy ít nhưng không hiếm. Riêng đối với Công giáo thì đã xảy ra từ lâu. “Về số lượng, người Khmer cải sang tôn giáo khác chiếm tỷ lệ rất nhỏ: Công giáo là 0,27%, Tin Lành là 0,18% so với dân số người Khmer trong khu vực.

Tác giả nhận định việc cải đạo của một bộ phận người Khmer là bình thường và là quyền lựa chọn của họ. Tuy nhiên, việc truyền đạo còn có những dấu hiệu trái pháp luật và là vấn đề đặt ra cho công tác quản lý. Cuối cùng, việc xung đột văn hóa do việc cải đạo hay sự suy thoái ảnh hưởng của tôn giáo truyền thống đặt ra những vấn đề khá phức tạp và cần sự nghiên cứu nghiêm túc.

Qua những số liệu gần đây và vấn đề nổi lên liên quan đến đạo Tin Lành tại vùng Tây Nam Bộ, chúng tôi xin góp thêm ý kiến phân tích như sau:

Về số liệu tín đồ Tin Lành tại 13 tỉnh thành Tây Nam Bộ: Với cộng đồng tín đồ 67.637 người, trong đó đông nhất tại Cần Thơ với 10.979; ít nhất tại Bạc Liêu 961 người, bình quân hơn 5.000 người mỗi tỉnh thành thì Tây Nam Bộ vẫn là nơi Tin Lành phát triển giữa vùng người Việt một cách tự nhiên và mạnh mẽ. Tại đây, đạo Tin Lành không có sự phát triển đột biến như vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Bắc, nhưng có sức sống nội tại khá vững chắc.

Từ trong lịch sử truyền giáo, do đạo Tin Lành cứng nhắc trong việc áp dụng khắt khe giữ gìn nghi lễ và lối sống tín đồ, cấm việc thờ cúng hình tượng (tổ tiên, các thần khác) nên sự va chạm văn hóa đã là vật cản tự nhiên đối với việc theo đạo của người Việt. Tỷ lệ người chịu Báp têm/số người tin nhận Chúa chưa bao giờ quá 10%. Tại vùng đất mới, cộng đồng mở như Tây Nam Bộ, sự hưởng ứng có phần cao hơn các vùng khác.

Trong quá khứ, dù cố gắng xâm nhập truyền giáo nhưng các giáo sĩ Tin Lành đã không thu được kết quả gì đáng kể đối với người Chăm và người Khmer vì nhiều khi gặp phản ứng dữ dội từ những cộng đồng này vốn coi việc giữ gìn tín ngưỡng tôn giáo tộc người như là sự sống còn của cộng đồng.

Xét về mặt động cơ và phương thức truyền giáo thì tất cả các giáo hội, hệ phái Tin Lành đều coi việc “rao giảng lời Chúa, chinh phục tội nhân về với Chúa” là đại mạng lệnh của Chúa và họ phải tuân theo. Bất kể họ đã hợp pháp hay chưa hợp pháp. Hơn nữa với chiến thuật truyền giáo “làm chứng đạo” theo chiến thuật “vết dầu loang”, họ dễ dàng lách qua các chế tài của pháp luật. Như vậy, người Khmer cũng như mọi sắc dân khác đều là đối tượng truyền giáo của họ. Đương nhiên, có các tổ chức, hệ phái truyền giáo chính danh; có phái vì những động cơ ngắn hạn, giải ngân các khoản tài trợ truyền giáo nên hoạt động bất chấp mọi hậu quả xã hội.

Như vậy, từ việc truyền đạo Tin Lành giữa vòng người Khmer và sự cải đạo đang diễn ra có thể nhận thấy nguy cơ tiềm ẩn những mâu thuẫn xung đột trong cộng đồng đối với những người cải đạo và phản ứng đối với người đi truyền đạo. Tuy nhiên, để hóa giải vấn đề này lại là vấn đề không dễ dàng nếu như chủ thể - cộng đồng người Khmer tiếp tục diễn ra quá trình suy thoái những thiết chế cộng đồng, tôn giáo, văn hóa truyền thống.

Kết luận

Miền Tây Nam Bộ được các giáo sĩ C.M.A đến truyền giáo từ rất sớm (năm 1918). Các chi hội Tin Lành tại đây tuy số lượng ít nhưng rất ổn định, tín đồ dâng tiền cho Hội Thánh rất tự giác. Các chi hội

nhìn chung đều phát triển hài hòa và là nguồn lực vững chắc của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam). Tuy nhiên, tại vùng sông nước đa văn hóa, đạo Tin Lành phải cạnh tranh với nhiều tôn giáo khác cùng đa dạng các hình thức tín ngưỡng tôn giáo cổ truyền có mặt tại đây nên mức độ phát triển không có đột biến.

Tin Lành là tôn giáo thế giới, đi liền với quá trình truyền giáo đã chuyển tải những yếu tố tiên bộ của văn hóa, văn minh phương Tây. Những đóng góp về đạo đức lối sống, về văn hóa, các hoạt động từ thiện nhân đạo, sự giáo dục tín đồ sống lành mạnh, ý thức tiết kiệm, nhanh nhạy, cần cù trong cuộc sống... là những nguồn lực văn hóa cần phát huy và sử dụng. Mặt khác, cần hướng dẫn cho các tổ chức hệ phái Tin Lành sự cần thiết phải hội nhập văn hóa dân tộc, biết tôn trọng và trân quý, cũng như có thái độ ứng xử phù hợp với các giá trị văn hóa chung của cộng đồng, với các tín ngưỡng tôn giáo khác để cùng tồn tại và phát triển. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1911-1965)*, Trung tâm Nghiên cứu Phúc Âm, Sài Gòn, tr. 55.
- 2 Số liệu thống kê từ *Thánh Kinh Báo* năm 1935 - 1936.
- 3 Thống kê từ *Thánh Kinh Báo* 1932 - 1943.
- 4 Lê Hoàng Phu (1974), Sđd, tr. 55.
- 5 Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, *Khai trình công việc Chúa - Địa hạt Nam hạt năm 1952*, Nhà in Tin Lành, Sài Gòn.
- 6 Lê Hoàng Phu (1974), Sđd, tr. 152.
- 7 Từ thời điểm này, tên gọi HTTLVN thêm chữ “miền Nam” vào để phân biệt với HTTLVN miền Bắc.
- 8 Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ.
- 9 HTTLVN (miền Nam), *Niên giám năm 2002*, lưu hành nội bộ.
- 10 Trần Hồng Liên (2014), “Sự chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer tại Trà Vinh hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 05 (131), tr. 47 - 52.
- 11 Xem: Trần Hữu Hợp (2017), “Sự cải giáo của một bộ phận người Khmer vùng Tây Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3&4 (161), tr. 98 - 107.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1953), *Khai trình công việc Chúa -Địa hạt Nam hạt năm 1952*, Nhà in Tin Lành, Sài Gòn.
2. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1964), *Các quyết nghị Hội Đồng Tổng Liên 1927-1964*, Bản in roneo, lưu hành nội bộ, Nha Trang.
3. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1969), *Khai trình công việc Chúa - Địa hạt Liên hội Nam phần 1967-1968*, Nhà in Tin Lành, Sài Gòn.
4. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1973), *Địa hạt Liên hội miền Đông Nam phần - Kỷ yếu kỷ niệm 5 năm thành lập địa hạt*, Nhà in Tin Lành, Sài Gòn.

5. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1977), *Các quyết nghị Hội Đồng Tổng Liên 1965-1976*, Bản in roneo, lưu hành nội bộ, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam miền Nam (2001), *Niên giám năm 2002*, lưu hành nội bộ, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam miền Nam (2002), *Hiến Chương*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam miền Nam (2005), *Kỷ yếu 2005*, lưu hành nội bộ, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Trần Hữu Hợp (2017), “Sự cải giáo của một bộ phận người Khmer vùng Tây Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 384 (161), tr. 98-107.
10. Trần Hồng Liên (2014), “Sự chuyển đổi tôn giáo trong người Khmer tại Trà Vinh hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 05 (131), tr. 47-52.
11. Nguyệt san Thánh Kinh Báo, Cơ quan ngôn luận chính thức của HTTLVN, xuất bản từ năm 1931 tại Hà Nội, đình bản do chiến tranh (1945-1950), sau xuất bản lại tại Đà Lạt. Từ 1962 đến 1975 xuất bản tại Sài Gòn, sau năm 1968 đổi tên là Thánh Kinh Nguyệt San.
12. Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam 1911-1965*, Trung tâm Nghiên cứu Phúc Âm, Sài Gòn.

Abstract

PROTESTANTISM IN THE SOUTH WEST PART OF THE SOUTH VIETNAM: HISTORY, CURRENT SITUATION AND PROBLEMS

Nguyen Xuan Hung

Institute for Religious Studies, VASS

The Southwest is a new land, where many different ethnic groups live, so the cultural and religious life is also very diverse. In the cultural and religious diversity, Protestantism, a branch of Christianity, was introduced into Vietnam. Research on the history of introduction and existence of Protestantism in the Southwest region in comparison with other regions and current issues is an interested topic. This paper indicates the history of the Protestant missionary process in the Southwest region from the beginning to the present day. It also shows an analysis and comparison with other regions on missionary achievement, reception as well as cultural and religious reactions and problems.

Keywords: Protestantism; Southwest; Missionary.